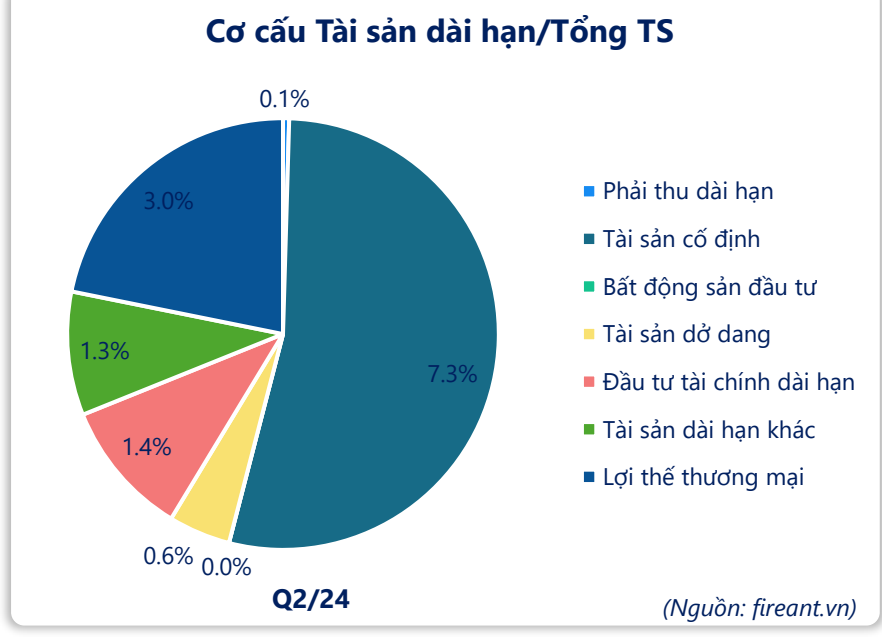
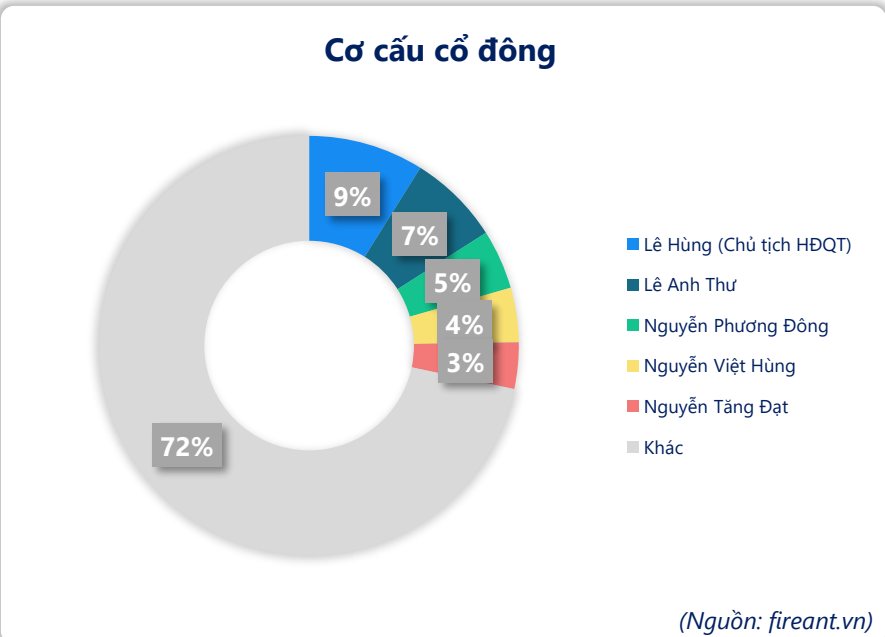
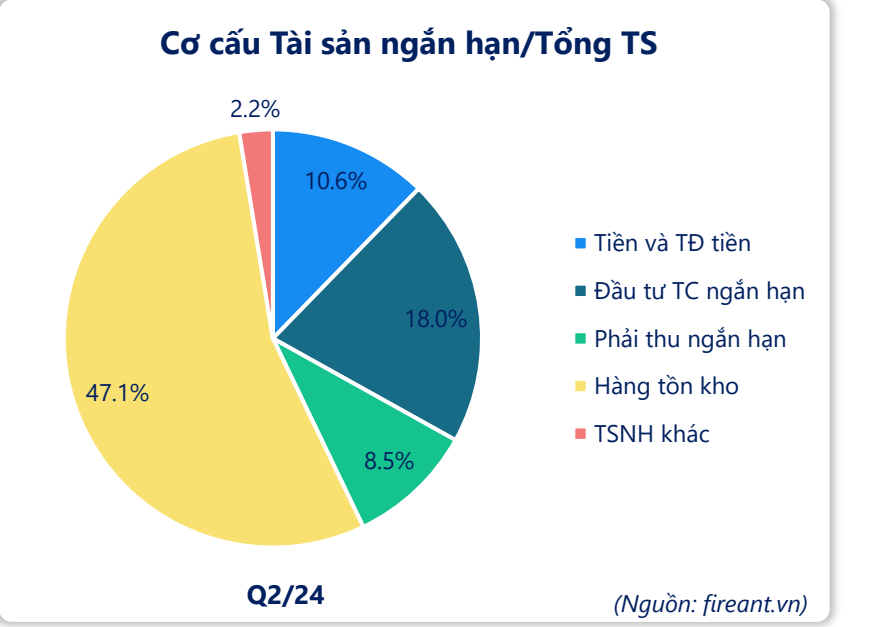
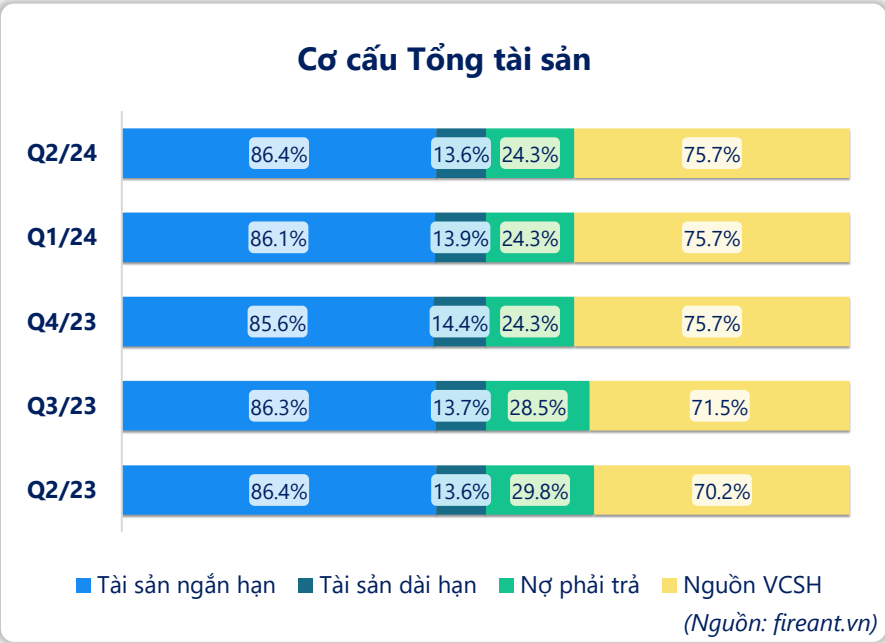
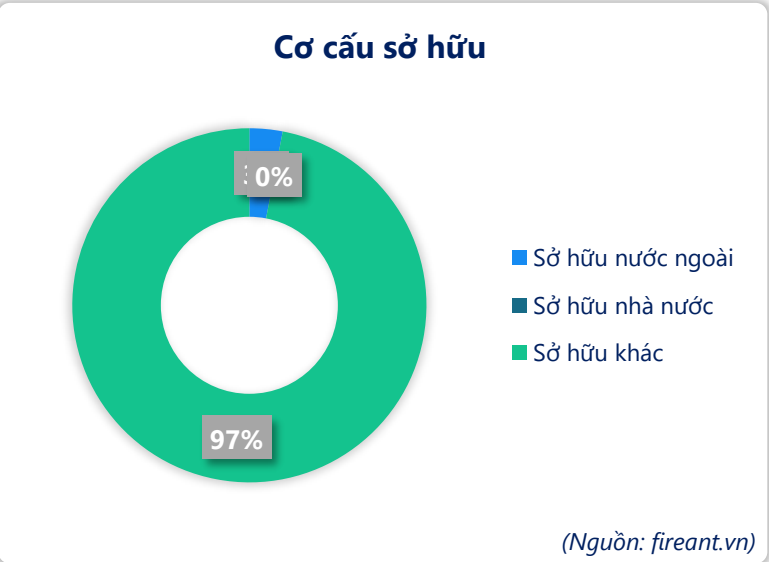
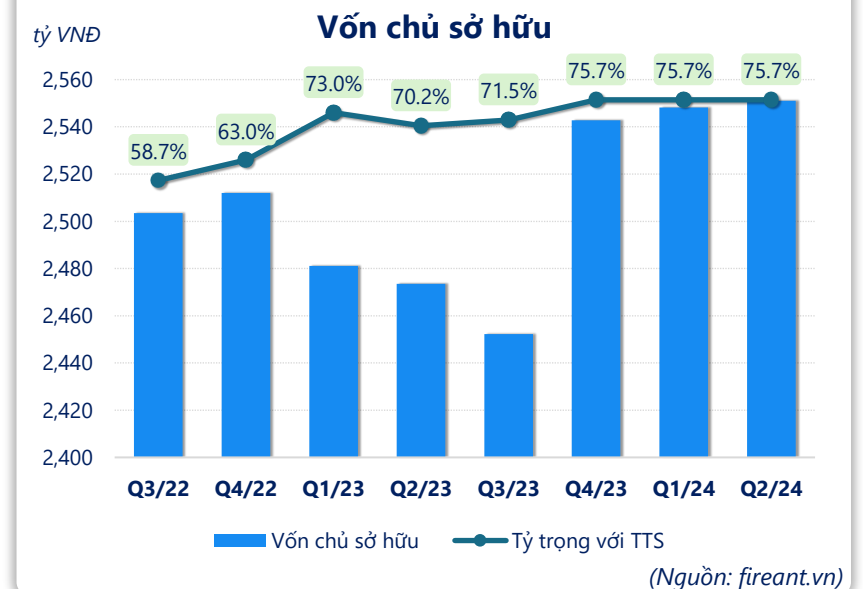
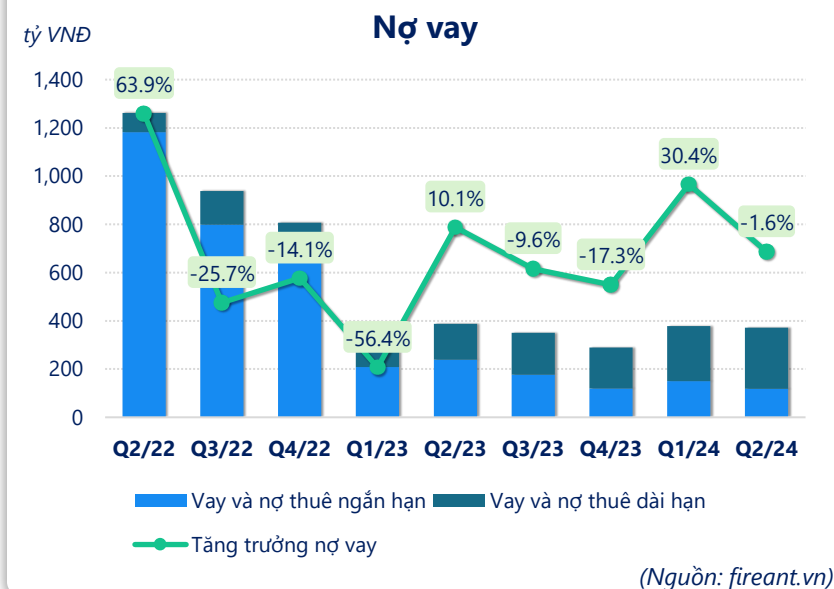
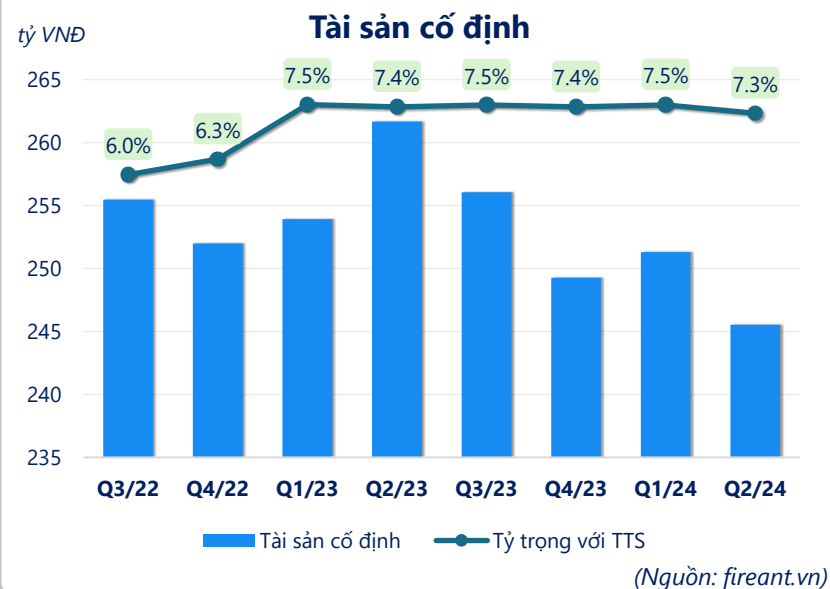
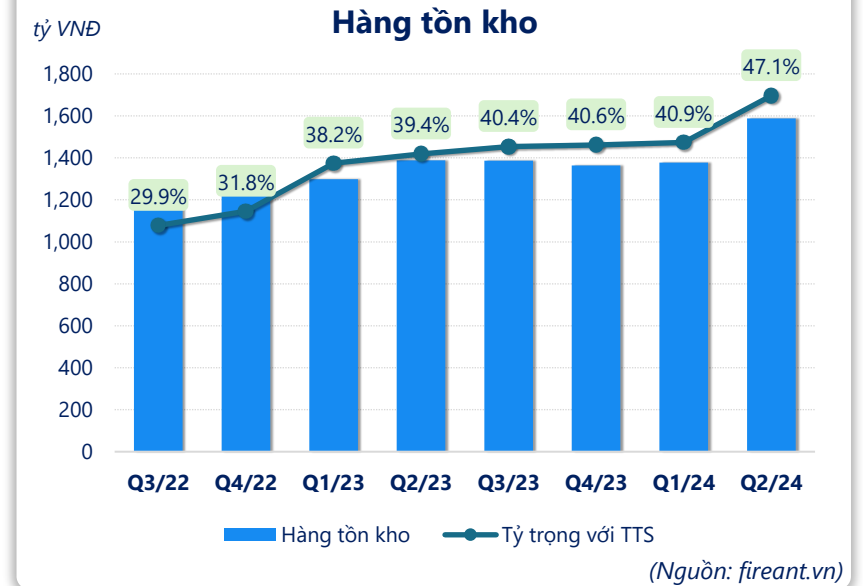
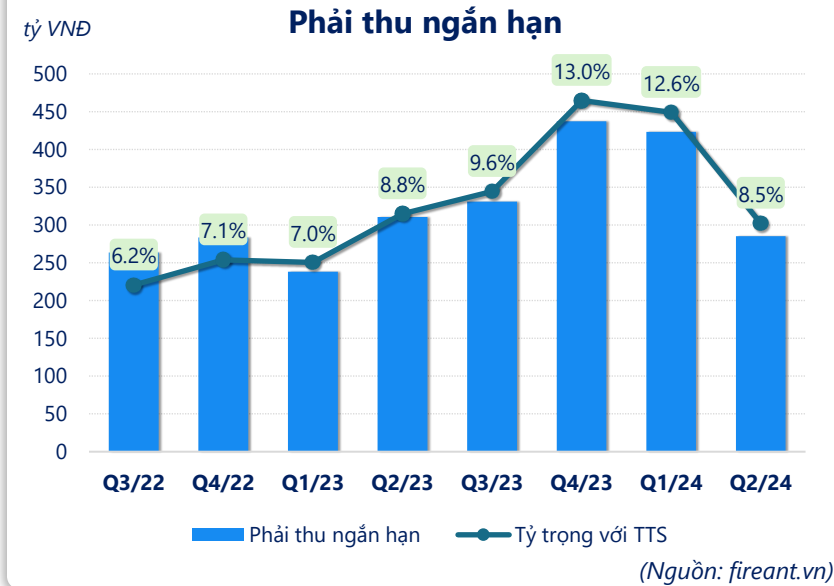
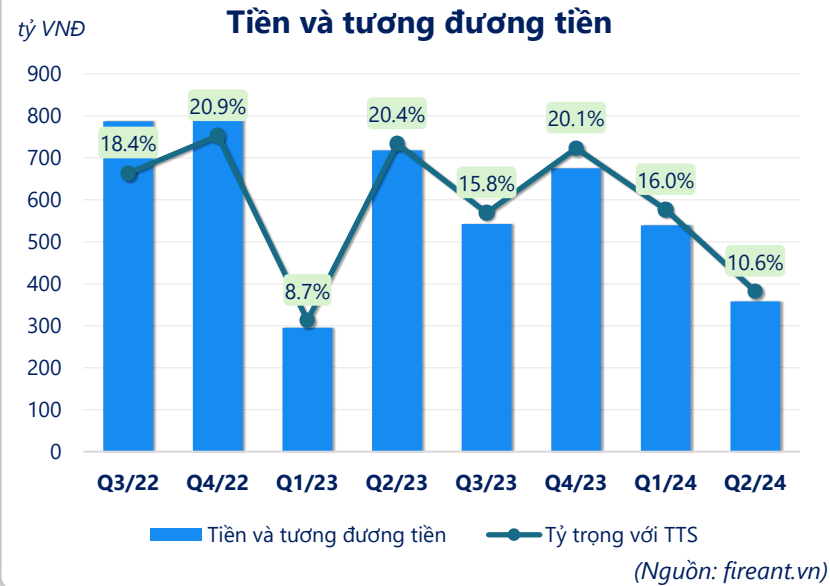
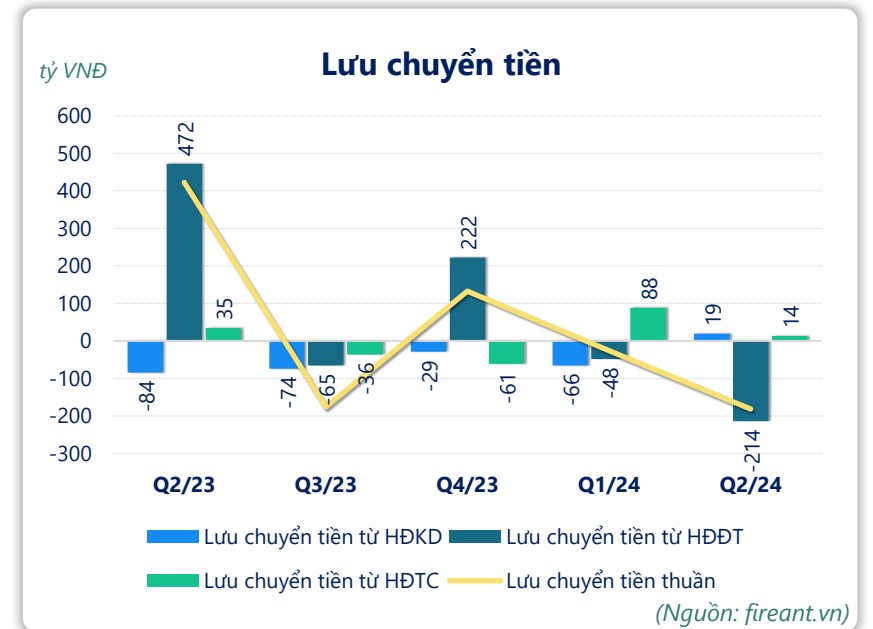
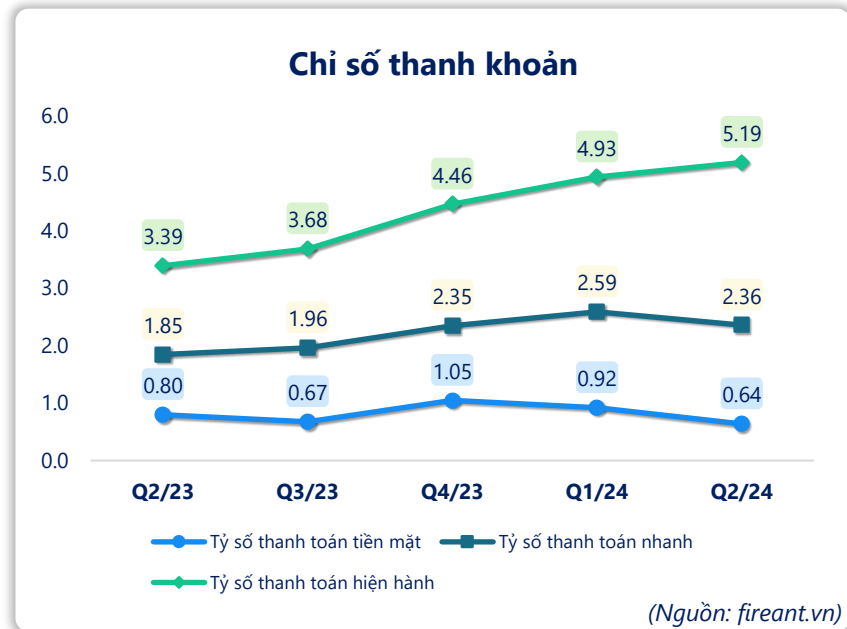
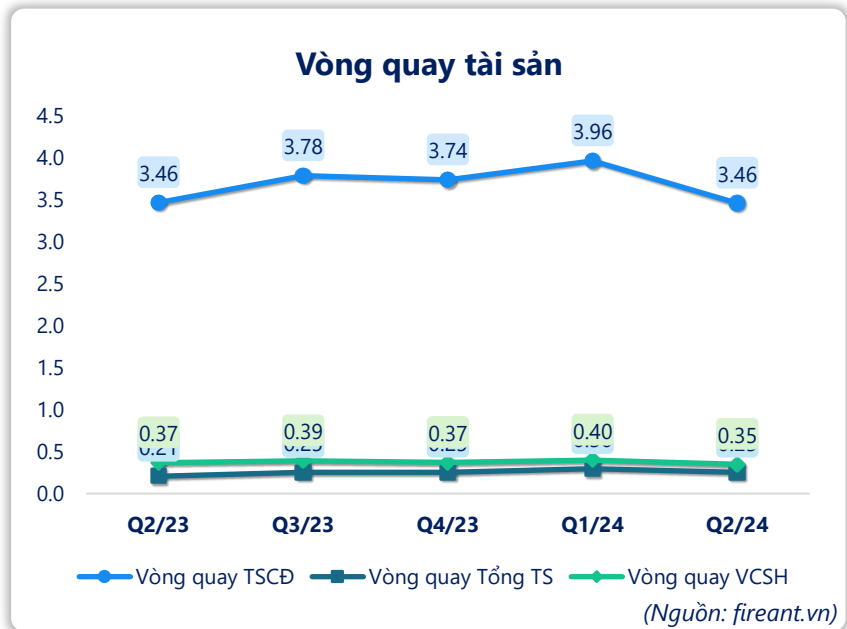
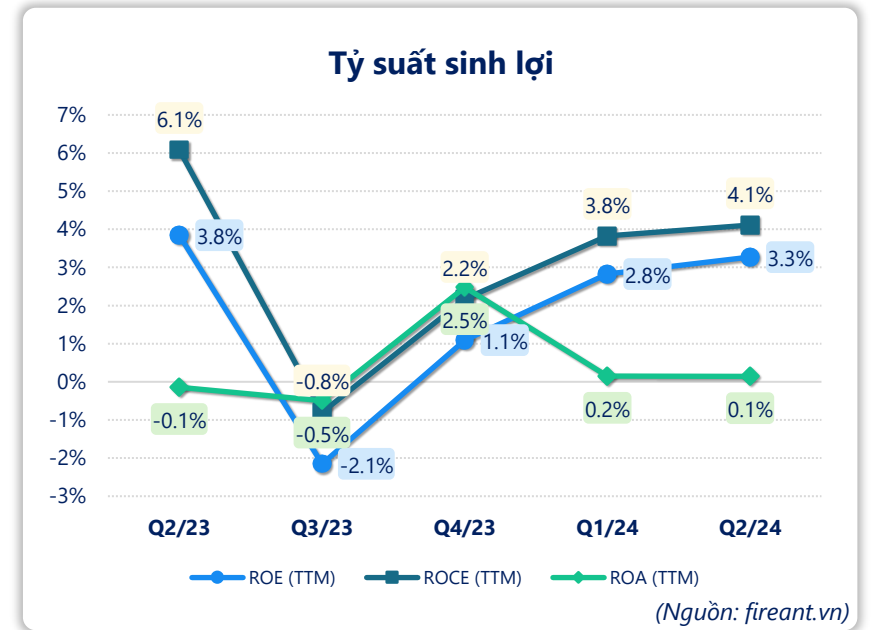
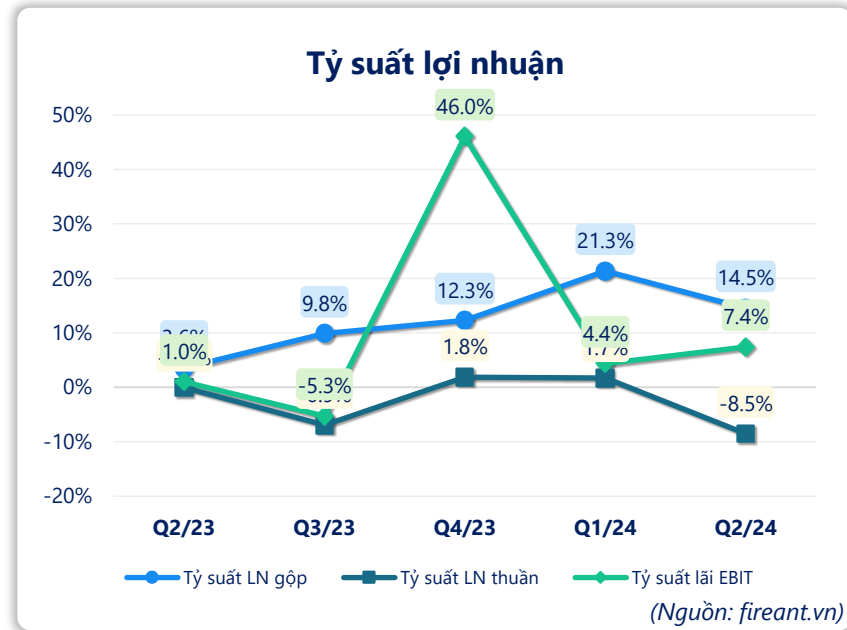
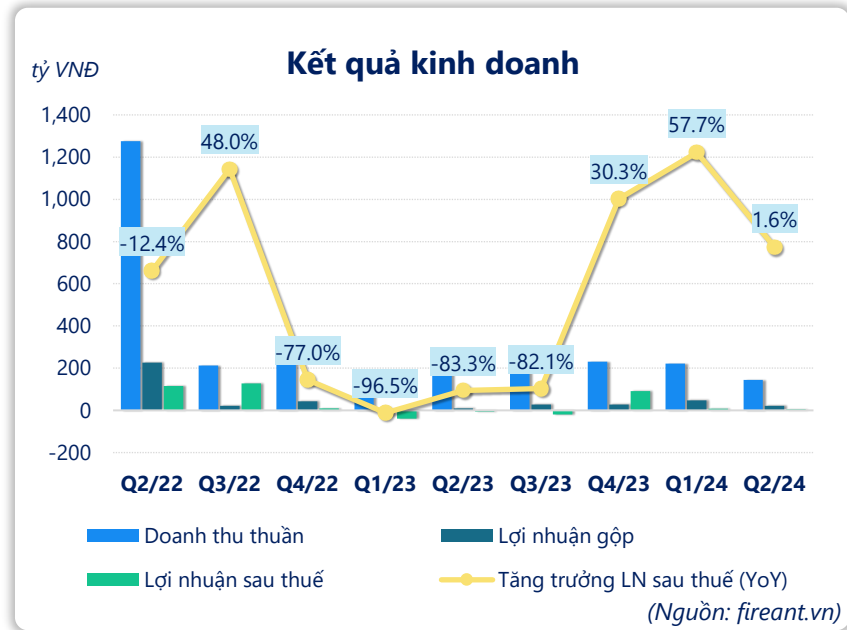


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		32,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,850
SL cổ phiếu LH		69,949,286
KLGD BQ 20 phiên (CP)		829,590
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,273
P/E		27.7
EPS		1,174

	YTD	1T	3T	6T
GIL	30.5%	-11.1%	-15.7%	28.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	3,369	3,357	0.3%
Tài sản ngắn hạn	2,910	2,873	1.3%
Tiền và tương đương tiền	358	675	-47.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	605	222	172%
Phải thu ngắn hạn	285	437	-34.8%
Hàng tồn kho	1,587	1,364	16.4%
Tài sản ngắn hạn khác	75.2	175	-57.0%
Tài sản dài hạn	458	484	-5.3%
Phải thu dài hạn	2.11	2.73	-22.4%
Tài sản cố định	246	249	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.3	30.6	-30.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.9	46.9	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	42.5	46.3	-8.2%
Lợi thế thương mại	100	108	-7.5%
Nợ phải trả	818	814	0.5%
Nợ ngắn hạn	561	641	-12.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	120	-1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	339	373	-9.2%
Nợ dài hạn	257	172	49.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	254	170	49.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,551	2,544	0.3%
Vốn chủ sở hữu	2,551	2,544	0.3%
Vốn điều lệ	700	700	-0.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	269	280	230	221	145
Giá vốn hàng bán	260	253	202	174	124
Lợi nhuận gộp	9.55	27.6	28.2	47.2	21.1
Doanh thu HĐTC	40.7	14.2	27.9	8.38	20.1
Chi phí TC	17.6	16.5	11.9	7.13	14.2
Chi phí lãi vay	3.06	2.12	1.00	0.77	0.98
LN trong công ty LKLD	0	0	-0.05	0	-0.03
Chi phí bán hàng	1.46	1.29	0.99	1.72	0.83
Chi phí QLDN	31.4	43.3	38.9	43.0	38.5
LN thuần từ HĐKD	-0.17	-19.3	4.26	3.75	-12.4
Lợi nhuận khác	-0.22	2.41	101	5.11	22.1
LN trước thuế	-0.39	-16.9	105	8.86	9.73
Lợi nhuận sau thuế	-5.37	-19.7	91.7	7.22	4.67
LNST của CĐ cty mẹ	-6.13	-19.1	91.1	5.19	4.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-84.0	-73.7	-28.6	-65.6	18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	472	-65.5	222	-48.2	-214
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	34.8	-36.3	-61.3	88.1	13.5
Tiền đầu kỳ	295	718	542	565	539
Lưu chuyển tiền thuần	422	-175	132	-25.7	-182
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	-0.20	0.01	0	0.03
Tiền cuối kỳ	718	542	675	539	358

(Nguồn: fireant.vn)